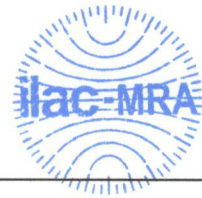


KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



Số: 32/KQ

VILAS 746

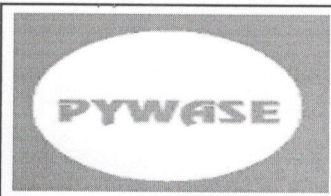
I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	146M ₁ 01/19	Công ty TNHH Footech	Nước sau khi xử lý	Nguyễn Thị Cẩm Tú	03/09/2019 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
2	147B08/19	Bể chứa NMN Phú Hòa		Trần Quang Vinh	03/09/2019 9g30-9g45	
3	147M ₁ 08/19	Hộ dân huyện Phú Hòa			03/09/2019 9g45-10g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
4	148M ₁ 01/19	131 Nguyễn Thái Học		Diệp Thị Ngọc Loan	03/09/2019 8g30-8g45	
5	148M ₂ 01/19	8/19 Nguyễn Huệ			03/09/2019 9g00-9g15	Diệp Thị Ngọc Loan
6	148M ₃ 01/19	Khu tái định cư Núi Nhạn			03/09/2019 9g30-9g45	Nguyễn Thị Kim Trang
7	149B01/19	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Nguyễn Thị Kim Trang	03/09/2019 8g00-8g15	

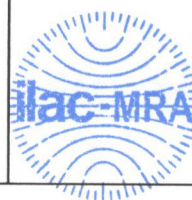
BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành : 19 /03/2018



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



VILAS 746

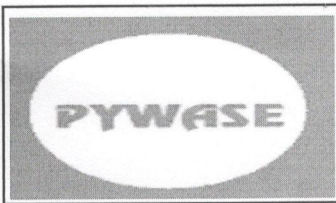
II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				146M ₁ 01/19	147B08/19	147M ₁ 08/19	148M ₁ 01/19
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,96	7,31	7,41	6,86
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,61	0,44	0,53	1,05
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,14	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15,49	15,16	15,83	16,50
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	43,86	50,56	50,56	49,53
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4,5	3,8	2,2	4,8
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	91	86	89	91
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,70	0,45	0,45	0,85
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	10,80	10,00	10,00	11,20
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,58	0,45	0,45	0,51
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	0,046	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	0,028
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	0,46	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)

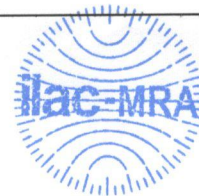
BM.KT.02.02

Ban hành lần 02

Ngày ban hành :19/03/2018



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				148M ₂ 01/19	148M ₃ 01/19	149B01/19	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,91	6,96	7,05	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,16	1,87	1,25	
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16,17	16,17	16,84	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	49,53	49,02	50,05	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4,6	7,0	5,5	
10	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	93	94	89	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,80	0,80	0,90	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	11,20	11,20	11,00	
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,04	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,64	0,64	0,58	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	0,024	0,018	KPH (LOD=0,005)	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	0,50	

Ghi chú: - LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 09 tháng 09 năm 2019
Bộ Phận Kiểm nghiệm

Lãnh Đạo Công Ty

CỘNG HÒA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN
T.P. TUY HÒA
Nguyễn Tân Thuận

Phòng Kỹ thuật - Chất lượng

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân